

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 82/2025/DS-ST

Ngày 09/5/2025

Về việc: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Thạch Tân Dân

2) bà Huỳnh Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 256/2024/TLST-DS, ngày 23/10/2024, về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS, ngày 21/4/2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm:1967.

Địa chỉ: Ấp TP, xã PT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp TP, xã PT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Nguyễn Thanh Th, sinh năm:1977.

Địa chỉ: Ấp Tân Xuân, xã Tân Phú, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Ông Tr và bà T có mặt, chị Th xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Tr trình bày:**

Ngày 20/02/2023, bà T có vay của tôi 330.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/10/2023 trả tiền, không tính lãi. Khi vay tiền, bà T có ký tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN”. Đến hạn trả tiền, bà T không trả. Đến tháng 6/2024, bà T xin tôi cho vay tiếp và thỏa thuận sẽ trả tiền lãi mỗi tháng 2.500.000 đồng. Tôi đồng ý. Bà T có trả

tiền lãi từ tháng 6/2024 đến tháng 9/2024 (4 tháng) tổng cộng là 10.000.000 đồng, thì ngưng trả tiền lãi, chưa trả tiền vay.

Sau khi tôi khởi kiện bà T đến Tòa án. Ngày 15/11/2024, bà T có xin tôi cho chị Th (con bà T) cùng trả tiền với bà T. Hàng tháng, bà Th và chị T sẽ trả cho tôi 5.000.000đ gồm có tiền vay và tiền lãi. Tôi đồng ý và yêu cầu chị Th ký tên vào GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023. Tuy nhiên, sau ngày chị Th ký tên vào GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023 đến nay, chị Th và bà T không trả tiền lần nào.

Chị Th không vay tiền của tôi. Chị Th không tự nguyện cùng bà T trả tiền cho tôi nên tôi xin rút lại yêu cầu chị Th trả tiền với bà T. Bà T còn nợ tôi 330.000.000 đồng. Tôi yêu cầu bà T trả 330.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả tiền lãi.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Trước đó tôi nợ tiền hụi của con của ông Tr và biết ông Tr có tiền nên đến vay tiền của ông Tr để trả tiền cho con ông Tr. Ngày 20/02/2023, tôi có vay của ông Tr 330.000.000 đồng. Khi vay, tôi có ký tên và viết họ tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” ghi ngày 20/02/2023. Khi vay thỏa thuận không trả tiền lãi và hẹn đến 20/10/2023 sẽ trả tiền vay. Đến hạn trả tiền, tôi không có tiền trả nên ông Tr khởi kiện đến Tòa án. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tôi và ông Tr có thỏa thuận: Tôi và Th (là con tôi) sẽ trả cho ông Tr mỗi tháng 5.000.000 đồng, trong đó có tiền vay khoảng 2.500.000 đồng, còn lại là tiền lãi. Ông Tr đồng ý và yêu cầu Th ký tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023. Tuy nhiên, sau khi Th ký tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” đến nay, tôi và Th chưa trả tiền lần nào. Nay tôi còn nợ ông Tr 330.000.0000 đồng và đồng ý trả cho ông Tr 330.000.0000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng. Chị Th không vay tiền của ông Tr nên không yêu cầu chị Th cùng trả tiền với tôi.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn chị Nguyễn Thanh Th trình bày:*

Tôi không vay tiền của ông Tr. Sau khi ông Tr kiện bà T (mẹ tôi) đến Tòa án, tôi có hứa sẽ cùng bà T trả tiền cho ông Tr. Ông Tr đồng ý và yêu cầu tôi ký tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023. Sau khi tôi ký tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” đến nay, tôi bị bệnh, không đi làm được nên không trả tiền cho ông Tr. Nay tôi không đồng ý cùng bà T trả tiền cho ông Tr.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Tr. Buộc bà T trả cho ông Tr

330.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Tr xin rút lại yêu cầu chị Th trả tiền là phù hợp nên đình chỉ xét xử yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Ông Huỳnh Văn Tr khởi kiện, yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Nguyễn Thanh Th có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt chị Th. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[2] Về nội dung vụ kiện

Tại phiên tòa, ông Tr yêu cầu bà T trả 330.000.000 đồng theo “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023. Bà T thừa nhận có ký tên trong “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023 và đồng ý trả cho ông Tr 330.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ nên ghi nhận.

Ông Tr xác định chị Th không vay tiền cùng với bà T nên rút yêu cầu chị Th trả tiền. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 01/11/2024 chị Th trình bày là không vay tiền của ông Tr (bút lục 22-24). Tại phiên tòa, bà T xác định chị Th ký tên vào “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023 là do bà T có xin ông Tr cho chị Th cùng trả tiền. Do các đương sự trình bày thống nhất là chị Th không vay tiền của ông Tr. Ông Tr không yêu cầu chị Th trả tiền. Mặt khác, thực tế chị Th không vay tiền của ông Tr nên đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Tr về việc yêu cầu chị Th trả tiền.

[3] Về thời gian trả

Tại phiên tòa, ông Tr yêu cầu bà T trả 330.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Bà T xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng. Xét thấy, theo “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 20/02/2023, bà T và ông Tr có thỏa thuận, bà T sẽ trả tiền cho ông Tr vào ngày 20/10/2023. Từ đó đến nay đã khá lâu, bà T chưa trả tiền cho ông Tr. Nay lại xin trả dần sẽ làm thiệt thòi cho quyền lợi của ông Tr. Do đó, buộc bà T trả cho ông Tr 330.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về ý kiến của Kiểm sát viên

Xét thấy, ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí

Bà T có nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà T đã trên 60 tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Tr, chị Th không nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật áp dụng:

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 3 Điều 26 khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Tr.
- Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Tr số tiền vay còn nợ là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Huỳnh Thị T không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:
- + Bà Huỳnh Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- + Ông Huỳnh Văn Tr, chị Nguyễn Thanh Th không nộp tiền án phí sơ thẩm.

Trong Tr hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đại bản án hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND H. Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS TPĐ;

- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI